

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Cầu Lông – HP (23401604)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2125210081	Nguyễn Hoàng Anh	Bảo	10/11/2006	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	2125210089	Trương Thanh	Bảo	04/11/2007	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	2125210129	Trần Hải	Đăng	21/06/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	9.0	8.0	8.8	
4	2125210112	Nguyễn Trọng	Đạt	24/08/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	5.0	5.0	6.3	
5	2125210078	Ngô Ngọc	Diễm	16/03/2007	Công nghệ thực phẩm C	6.0	5.0	5.0	5.3	
6	2124040072	Võ Minh	Đức	27/11/2006	Công nghệ chế tạo máy C	10.0	7.0	7.0	7.8	
7	2125210126	Lê Quang	Dũng	29/07/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	8.0	9.0	9.0	
8	2125210087	Phạm Văn	Dương	18/10/2007	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	2125210198	Huỳnh Đoàn	Duy	05/03/2007	Công nghệ thực phẩm D	9.0	5.0	5.0	6.0	
10	2125210079	Nguyễn Quốc	Duy	08/12/2007	Công nghệ thực phẩm C	9.0	7.0	5.0	6.5	
11	2124040082	Nguyễn Thành	Duy	14/07/2006	Công nghệ chế tạo máy C	10.0	7.0	5.0	6.8	
12	2125210073	Phan Vũ Anh	Duy	27/06/2007	Công nghệ thực phẩm C	2.0	2.0	2.0	2.0	
13	2125210125	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	12/01/2007	Công nghệ thực phẩm D	9.0	7.0	7.0	7.5	
14	2125210100	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	09/08/2007	Công nghệ thực phẩm C	9.0	7.0	7.0	7.5	
15	2124040073	Võ Nguyên	Hạo	02/10/2006	Công nghệ chế tạo máy C	9.0	7.0	5.0	6.5	
16	2125210195	Bùi Quốc	Hoàng	01/01/2007	Công nghệ thực phẩm D	0.0	0.0	0.0	0.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
17	2125210103	Lê Xuân	Hoàng	25/08/2007	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	2125210108	Lý Quốc	Hung	10/04/2007	Công nghệ thực phẩm D	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	2125210135	Nguyễn Hoài	Hương	16/09/2007	Công nghệ thực phẩm D	9.0	7.0	7.0	7.5	
20	2125210127	Lương Gia	Huy	29/11/2007	Công nghệ thực phẩm D	7.0	5.0	5.0	5.5	
21	2125210074	Nguyễn Gia	Huy	20/02/2007	Công nghệ thực phẩm C	7.0	5.0	5.0	5.5	
22	2125210140	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	29/06/2007	Công nghệ thực phẩm D	7.0	7.0	5.0	6.0	
23	2125210096	Đỗ An	Khang	31/10/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	7.0	5.0	6.8	
24	2125210143	Nguyễn Văn Anh	Khoa	30/08/2007	Công nghệ thực phẩm D	8.0	5.0	5.0	5.8	
25	2125210097	Nguyễn Tuấn	Khôi	11/06/2007	Công nghệ thực phẩm C	6.0	5.0	5.0	5.3	
26	2125210090	Đào Tuấn	Kiệt	30/04/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	8.0	7.0	8.0	
27	2124190048	Đỗ Phạm Trúc	Linh	06/05/2004	Tài chính - Ngân hàng B	8.0	5.0	5.0	5.8	
28	2125210092	Huỳnh Trần	Lĩnh	09/01/2007	Công nghệ thực phẩm C	7.0	6.0	6.0	6.3	
29	2125210166	Lê Hoàng	Long	20/09/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	9.0	9.0	9.3	
30	2125210091	Nguyễn Hoàng	Long	21/05/2007	Công nghệ thực phẩm C	5.0	5.0	5.0	5.0	
31	2125210094	Lê Thị Cẩm	Lụa	25/11/2007	Công nghệ thực phẩm C	6.0	5.0	5.0	5.3	
32	2125210099	Hoàng Công	Lý	05/05/2007	Công nghệ thực phẩm C	9.0	7.0	7.0	7.5	
33	2125210110	Lê Đức	Nam	11/10/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	5.0	5.0	6.3	
34	2125210118	Nguyễn Hoài	Nam	20/03/2007	Công nghệ thực phẩm D	8.0	5.0	5.0	5.8	
35	2125210095	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/12/2007	Công nghệ thực phẩm C	8.0	5.0	5.0	5.8	
36	2125210083	Miêu Tường	Nhân	21/07/2007	Công nghệ thực phẩm C	8.0	5.0	5.0	5.8	
37	2125210107	Nguyễn Hạnh	Nhân	07/06/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	5.0	5.0	6.3	
38	2125210111	Nguyễn Phương	Nhi	20/11/2006	Công nghệ thực phẩm D	10.0	8.0	5.0	7.0	
39	2125210105	Nguyễn Yến	Nhi	14/07/2007	Công nghệ thực phẩm C	9.0	7.0	7.0	7.5	
40	2125210128	Huỳnh Ngọc	Như	18/04/2006	Công nghệ thực phẩm D	10.0	8.0	7.0	8.0	
41	2125210104	Lê Ánh	Như	26/07/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	8.0	7.0	8.0	
42	2125210119	Nguyễn Ngọc	Như	09/02/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	5.0	6.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
43	2125210077	Phan Thị Ngọc	Như	25/05/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	7.0	5.0	6.8	
44	2125210132	Trương Thị Mỹ	Như	09/05/2007	Công nghệ thực phẩm D	9.0	7.0	5.0	6.5	
45	2125210124	Võ Phạm	Như	18/11/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	7.0	7.8	
46	2125210136	Nguyễn Minh	Nhật	11/03/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	7.0	7.8	
47	2125210101	Phạm Thị Thanh	Ny	06/10/2007	Công nghệ thực phẩm C	6.0	5.0	6.0	5.8	
48	2124040071	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	24/11/2005	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	5.0	5.0	5.5	
49	2125210114	Nguyễn Hữu	Phúc	25/05/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	7.0	7.8	
50	2125210086	Nguyễn Huỳnh Anh	Phước	28/12/2007	Công nghệ thực phẩm C	8.0	5.0	5.0	5.8	
51	2125210141	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/09/2007	Công nghệ thực phẩm D	9.0	5.0	5.0	6.0	
52	2125210133	Nguyễn Trường	Quân	22/12/2007	Công nghệ thực phẩm D	8.0	5.0	5.0	5.8	
53	2125210117	Huỳnh Thị Hạnh	Quyên	14/10/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	5.0	5.0	6.3	
54	2125210093	Lê Trúc	Quỳnh	25/10/2007	Công nghệ thực phẩm C	6.0	5.0	5.0	5.3	
55	2125210137	Cao Thái	Sang	12/08/2006	Công nghệ thực phẩm D	8.0	5.0	5.0	5.8	
56	2124040077	Nguyễn Văn	Tài	05/03/2006	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	5.0	5.0	5.5	
57	2125210084	Lê Minh	Tâm	02/12/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	7.0	8.0	8.3	
58	2124040074	Bùi Ngọc	Thắng	05/01/2006	Công nghệ chế tạo máy C	10.0	7.0	7.0	7.8	
59	2125210122	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	8.0	8.3	
60	2125210102	Phan Trường	Thành	02/06/2007	Công nghệ thực phẩm C	8.0	5.0	5.0	5.8	
61	2125210121	Nguyễn Ngọc Diễm	Thi	26/05/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	7.0	7.8	
62	2125210082	Báo Công Anh	Thư	15/12/2007	Công nghệ thực phẩm C	6.0	6.0	5.0	5.5	
63	2125210080	Lê Thị Minh	Thư	21/04/2007	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0.0	0.0	
64	2125210197	Nguyễn Thị Anh	Thư	11/09/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	5.0	6.8	
65	2125210085	Lành Mạnh	Toàn	01/11/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	7.0	7.0	7.8	
66	2125210088	Trần Trọng	Toàn	02/09/2007	Công nghệ thực phẩm C	5.0	6.0	5.0	5.3	
67	2125210130	Hồ Thị Thùy	Trang	20/10/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	5.0	6.8	
68	2125210075	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/01/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	9.0	9.0	9.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
69	2125210072	Cao Phương	Trinh	11/02/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	5.0	5.0	6.3	
70	2125210123	Lê Phương	Trinh	07/01/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	5.0	5.0	6.3	
71	2124040078	Nguyễn Đình Văn	Trường	12/01/2006	Công nghệ chế tạo máy C	10.0	8.0	7.0	8.0	
72	2125210106	Võ Thanh	Tuấn	21/09/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	8.0	7.0	8.0	
73	2125210109	Nguyễn Trương	Tuệ	21/07/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	5.0	6.8	
74	2125210142	Phạm Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	16/05/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	7.0	7.8	
75	2125210115	Huỳnh Nguyễn Xuân	Vy	03/09/2007	Công nghệ thực phẩm D	9.0	7.0	7.0	7.5	
76	2125210186	Nguyễn Thảo	Vy	13/02/2007	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	7.0	7.8	
77	2125210076	Phan Thị Ngọc	Ý	25/05/2007	Công nghệ thực phẩm C	10.0	7.0	7.0	7.8	

TPHCM , ngày 7 tháng 07 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Cầu Lông – HP (23401604)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2125210081	Nguyễn Hoàng Anh	Bảo	10/11/2006	CCQ2521C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
2	2125210089	Trương Thanh	Bảo	04/11/2007	CCQ2521C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
3	2125210129	Trần Hải	Đăng	21/06/2007	CCQ2521D	8.8	6.0	7,10	
4	2125210112	Nguyễn Trọng	Đạt	24/08/2007	CCQ2521D	6.3	5.0	5,50	
5	2125210078	Ngô Ngọc	Diễm	16/03/2007	CCQ2521C	5.3	5.0	5,10	
6	2124040072	Võ Minh	Đức	27/11/2006	CCQ2404C	7.8	5.0	6,10	
7	2125210126	Lê Quang	Dũng	29/07/2007	CCQ2521D	9.0	6.0	7,20	
8	2125210087	Phạm Văn	Dương	18/10/2007	CCQ2521C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
9	2125210198	Huỳnh Đoàn	Duy	05/03/2007	CCQ2521D	6.0	5.0	5,40	
10	2125210079	Nguyễn Quốc	Duy	08/12/2007	CCQ2521C	6.5	5.0	5,60	
11	2124040082	Nguyễn Thành	Duy	14/07/2006	CCQ2404C	6.8	5.0	5,70	
12	2125210073	Phan Vũ Anh	Duy	27/06/2007	CCQ2521C	2.0	0.0	0,80	
13	2125210125	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	12/01/2007	CCQ2521D	7.5	5.0	6,00	
14	2125210100	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	09/08/2007	CCQ2521C	7.5	8.0	7,80	
15	2124040073	Võ Nguyên	Hạo	02/10/2006	CCQ2404C	6.5	5.0	5,60	
16	2125210195	Bùi Quốc	Hoàng	01/01/2007	CCQ2521D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
17	2125210103	Lê Xuân	Hoàng	25/08/2007	CCQ2521C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
18	2125210108	Lý Quốc	Hung	10/04/2007	CCQ2521D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2125210135	Nguyễn Hoài	Hương	16/09/2007	CCQ2521D	7.5	8.0	7,80	
20	2125210127	Lương Gia	Huy	29/11/2007	CCQ2521D	5.5	7.0	6,40	
21	2125210074	Nguyễn Gia	Huy	20/02/2007	CCQ2521C	5.5	5.0	5,20	
22	2125210140	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	29/06/2007	CCQ2521D	6.0	5.0	5,40	
23	2125210096	Đỗ An	Khang	31/10/2007	CCQ2521C	6.8	5.0	5,70	
24	2125210143	Nguyễn Văn Anh	Khoa	30/08/2007	CCQ2521D	5.8	5.0	5,30	
25	2125210097	Nguyễn Tuấn	Khôi	11/06/2007	CCQ2521C	5.3	5.0	5,10	
26	2125210090	Đào Tuấn	Kiệt	30/04/2007	CCQ2521C	8.0	5.0	6,20	
27	2124190048	Đỗ Phạm Trúc	Linh	06/05/2004	CCQ2419B	5.8	5.0	5,30	
28	2125210092	Huỳnh Trần	Lĩnh	09/01/2007	CCQ2521C	6.3	8.0	7,30	
29	2125210166	Lê Hoàng	Long	20/09/2007	CCQ2521D	9.3	9.0	9,10	
30	2125210091	Nguyễn Hoàng	Long	21/05/2007	CCQ2521C	5.0	5.0	5,00	
31	2125210094	Lê Thị Cẩm	Lụa	25/11/2007	CCQ2521C	5.3	5.0	5,10	
32	2125210099	Hoàng Công	Lý	05/05/2007	CCQ2521C	7.5	6.0	6,60	
33	2125210110	Lê Đức	Nam	11/10/2007	CCQ2521D	6.3	5.0	5,50	
34	2125210118	Nguyễn Hoài	Nam	20/03/2007	CCQ2521D	5.8	5.0	5,30	
35	2125210095	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/12/2007	CCQ2521C	5.8	7.0	6,50	
36	2125210083	Miêu Tường	Nhân	21/07/2007	CCQ2521C	5.8	5.0	5,30	
37	2125210107	Nguyễn Hạnh	Nhân	07/06/2007	CCQ2521D	6.3	5.0	5,50	
38	2125210111	Nguyễn Phương	Nhi	20/11/2006	CCQ2521D	7.0	5.0	5,80	
39	2125210105	Nguyễn Yến	Nhi	14/07/2007	CCQ2521C	7.5	5.0	6,00	
40	2125210128	Huỳnh Ngọc	Như	18/04/2006	CCQ2521D	8.0	5.0	6,20	
41	2125210104	Lê Ánh	Như	26/07/2007	CCQ2521C	8.0	5.0	6,20	
42	2125210119	Nguyễn Ngọc	Như	09/02/2007	CCQ2521D	6.8	5.0	5,70	
43	2125210077	Phan Thị Ngọc	Như	25/05/2007	CCQ2521C	6.8	5.0	5,70	
44	2125210132	Trương Thị Mỹ	Như	09/05/2007	CCQ2521D	6.5	5.0	5,60	
45	2125210124	Võ Phạm	Như	18/11/2007	CCQ2521D	7.8	5.0	6,10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2125210136	Nguyễn Minh	Nhật	11/03/2007	CCQ2521D	7.8	5.0	6,10	
47	2125210101	Phạm Thị Thanh	Ny	06/10/2007	CCQ2521C	5.8	5.0	5,30	
48	2124040071	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	24/11/2005	CCQ2404C	5.5	5.0	5,20	
49	2125210114	Nguyễn Hữu	Phúc	25/05/2007	CCQ2521D	7.8	5.0	6,10	
50	2125210086	Nguyễn Huỳnh Anh	Phước	28/12/2007	CCQ2521C	5.8	5.0	5,30	
51	2125210141	Nguyễn Thị Mai	Phuong	17/09/2007	CCQ2521D	6.0	5.0	5,40	
52	2125210133	Nguyễn Trường	Quân	22/12/2007	CCQ2521D	5.8	5.0	5,30	
53	2125210117	Huỳnh Thị Hạnh	Quyên	14/10/2007	CCQ2521D	6.3	5.0	5,50	
54	2125210093	Lê Trúc	Quỳnh	25/10/2007	CCQ2521C	5.3	5.0	5,10	
55	2125210137	Cao Thái	Sang	12/08/2006	CCQ2521D	5.8	5.0	5,30	
56	2124040077	Nguyễn Văn	Tài	05/03/2006	CCQ2404C	5.5	5.0	5,20	
57	2125210084	Lê Minh	Tâm	02/12/2007	CCQ2521C	8.3	6.0	6,90	
58	2124040074	Bùi Ngọc	Thắng	05/01/2006	CCQ2404C	7.8	5.0	6,10	
59	2125210122	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2007	CCQ2521D	8.3	5.0	6,30	
60	2125210102	Phan Trường	Thành	02/06/2007	CCQ2521C	5.8	5.0	5,30	
61	2125210121	Nguyễn Ngọc Diễm	Thi	26/05/2007	CCQ2521D	7.8	5.0	6,10	
62	2125210082	Báo Công Anh	Thư	15/12/2007	CCQ2521C	5.5	5.0	5,20	
63	2125210080	Lê Thị Minh	Thư	21/04/2007	CCQ2521C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
64	2125210197	Nguyễn Thị Anh	Thư	11/09/2007	CCQ2521D	6.8	5.0	5,70	
65	2125210085	Lành Mạnh	Toàn	01/11/2007	CCQ2521C	7.8	5.0	6,10	
66	2125210088	Trần Trọng	Toàn	02/09/2007	CCQ2521C	5.3	5.0	5,10	
67	2125210130	Hồ Thị Thùy	Trang	20/10/2007	CCQ2521D	6.8	5.0	5,70	
68	2125210075	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/01/2007	CCQ2521C	9.3	9.0	9,10	
69	2125210072	Cao Phương	Trình	11/02/2007	CCQ2521C	6.3	5.0	5,50	
70	2125210123	Lê Phương	Trình	07/01/2007	CCQ2521D	6.3	5.0	5,50	
71	2124040078	Nguyễn Đình Văn	Trường	12/01/2006	CCQ2404C	8.0	5.0	6,20	
72	2125210106	Võ Thanh	Tuấn	21/09/2007	CCQ2521C	8.0	6.0	6,80	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
73	2125210109	Nguyễn Trương	Tuệ	21/07/2007	CCQ2521D	6.8	5.0	5,70	
74	2125210142	Phạm Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	16/05/2007	CCQ2521D	7.8	5.0	6,10	
75	2125210115	Huỳnh Nguyễn Xuân	Vy	03/09/2007	CCQ2521D	7.5	5.0	6,00	
76	2125210186	Nguyễn Thảo	Vy	13/02/2007	CCQ2521D	7.8	8.0	7,90	
77	2125210076	Phan Thị Ngọc	Ý	25/05/2007	CCQ2521C	7.8	5.0	6,10	

TPHCM , ngày 7 tháng 7 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình